

Bản án số: 113/2023/HS-ST

Ngày: 26-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu Hằng và bà Trần Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Tạ Đình Thành và ông Trần Đình Thế, Kiểm sát viên .

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 80/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phan T, sinh ngày 19/4/1995, tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị C (đã chết); vợ, con: chưa có. Gia đình có 03 anh em ruột, bị cáo là con đầu.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/01/2023, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 05/01/2023 cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Thị L, sinh ngày 17/8/1997, tại tỉnh N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5, khu Trới 7, phường B, thành phố L, tỉnh N; chỗ ở: Phòng A50, khu 2A, chung cư P, phường P, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sĩ D, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; Chồng: Phạm Trần Đ, sinh năm 1994 (đã ly hôn); có 02 con, sinh các năm 2015 và 2017. Gia đình có 03 chị em ruột, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 15/7/2022 cho đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15/6/1996, tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh T; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 và bà Hồ Thị M, sinh năm 1975; vợ: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1989; con: Chưa có. Gia đình có 04 anh em ruột, bị cáo là con đầu.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/7/2022, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 18/7/2022 cho đến nay. Có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Đ Anh Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 14/101 đường C, phường V, thành phố H, tỉnh T, có mặt;

** Người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Đình Nhật T, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 21/4 đường L, phường H, thành phố H, tỉnh T, vắng mặt.

- Anh Phan Bá T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 66 đường N, phường H, thành phố H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 08/07/2022, Phan T gọi điện và nhờ Nguyễn Thị L mua giúp ma túy để về bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy thì L đồng ý, Thái dùng tài khoản của mình 4005205232065 thuộc ngân hàng Agribank chuyển khoản cho L qua số tài khoản 8815068888 thuộc ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội chi nhánh H với số tiền 14.000.000 đồng để nhờ L mua ma túy. Ngay lúc này, Nguyễn Thị L liên lạc với người thanh niên tên V (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) hỏi mua 10 (mười) gam ma túy dạng khay và 20 (hai mươi) viên ma túy dạng kẹo với giá tiền 14.000.000 đồng, thì đối tượng tên “V” đồng ý. Sau đó, khoảng 16 giờ 50 phút L đi đến cây ATM ở đường V, thành phố H rút toàn bộ số tiền 14.000.000 đồng do T đã chuyển cho L để mua ma túy trước đó. Ngay lúc này, có một nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) đến gặp L nói “Lấy tiền cho V”, nghe vậy L đưa số tiền 14.000.000 đồng vừa rút ra từ cây ATM đưa cho người thanh niên này rồi đi về nhà của mình. Sau đó, T gọi điện thoại nhờ L mua thêm 01 (một) cân tiểu ly nhằm mục đích chia nhỏ ma túy để bán thì L đồng ý.

Sau khi giao tiền, L được V cho biết địa điểm cất giấu ma túy để L biết đi đến lấy ma túy. Đồng thời, L đi đến đường L, thành phố H mua 01 cân tiểu ly giúp T. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T gọi điện thoại cho L nói sẽ có người lên thành phố H lấy ma túy đưa về huyện L, tỉnh T để giao cho T.

Nguyễn Văn Đ là bạn bè quen biết cùng quê với Phan T. Đ được T nhờ lên thành phố H gặp L lấy ma túy mang về huyện L, tỉnh T để đưa cho T và T hứa

với Đ sẽ trả tiền công cho Đ thì Đ đồng ý. Sau khi T nhờ, Đ bắt xe Buýt đi huyện L, tỉnh T lên bến xe phía Nam thành phố H. Đến nơi, Đ dùng số điện thoại của mình 0796.683.151 gọi điện theo số của T cho 0788.557.001 thì gặp L và được L hướng dẫn đi về chung cư P, thành phố H. Đ thuê xe thò đi về chung cư P, thành phố H để gặp L. Tại đây, L đưa cho Đ 01 (một) xe mô tô biển số 75F1-780.75, trên xe có đeo 01 (một) cân tiểu ly L mua trước đó. Đ điều khiển xe mô tô chở L đi lấy ma túy theo chỉ dẫn của người thanh niên tên V. Đ điều khiển xe mô tô chở L đi về đường H, phường D, thành phố H, ghé ven đường lấy số ma túy được để sẵn trong một chậu cảnh. Sau khi lấy ma túy xong, Đ bỏ ma túy vào túi ni lông đựng cân tiểu ly mà L mua trước đó rồi móc ở phía trước xe rồi chở L đi về bến xe phía Nam để đi về lại huyện L, tỉnh T. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, khi Đ chở L đi về đến ngã tư đường T giao nhau với cầu D, thành phố H thì bị Công an tỉnh T phát hiện bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật. Sau đó, Công an tỉnh T chuyển toàn bộ hồ sơ cùng vật chứng vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với Phan T, vào ngày 02/01/2023, đã đến Công an thành phố H đầu thú.

** Vật chứng thu giữ:*

+ 01 (một) túi ni lông bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng và 01 (một) túi ni lông bên trong chứa 20 (hai mươi) viên nén. Tất cả được niêm phong trong phong bì thư, băng keo trong. Bên ngoài gói niêm phong có 01 (một) chữ ký của Điều tra viên Đỗ Trí, 01 (một) chữ ký của Nguyễn Văn Đ, 01 (một) chữ ký của Nguyễn Thị L; 01 (một) dấu tròn đỏ của Công an phường Phú Hội, thành phố H.

+ 01 (một) điện thoại di động Nokia, Imei 1: 3573300083953706; Imei 2: 3573300083953714.

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone, Imei 1: 353973100633198.

+ 01 (một) xe mô tô SH màu trắng, biển kiểm soát 75F1-78075, Số máy: JF73E0150732, số khung: 7303KY018374.

+ 01 (một) cân tiểu ly điện tử màu đen.

+ 01 (một) điện thoại di động Redmi, Imei 1: 860630062744449, Imei 2: 860630062744456, bên trong có gắn thẻ sim số 0906562590.

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 192118775 mang họ tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày: 15/06/1996, nơi thường trú: xã T, huyện L, tỉnh.

+ 01 (một) túi ni lông màu đen.

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị L, số 022197000145.

+ 01 (một) thẻ ngân hàng MB số: 4089041012264529 mang tên “NGUYEN THI L”.

+ 01 (một) thẻ ngân hàng VP Bank số: 4541190952143383 mang tên “NGUYEN THI L”.

+ 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số 221207055118 mang tên Nguyễn Thị L.

+ 01 (một) phiếu siêu âm màu phụ khoa 4D, mang tên Nguyễn Ngọc L ngày 31/05/2022.

+ 01 (một) phiếu siêu âm thai quý II-III ngày 18/06/2022 mang tên Nguyễn Ngọc L.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn sao lưu dữ liệu từ điện thoại thu giữ của Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn Đ, in ra giấy A4 và chuyển theo hồ sơ vụ án thể hiện nội dung liên lạc giữa L, Đ và Thái trong việc mua bán ma túy. Đồng thời, cơ quan điều tra còn in sao dữ liệu các giao dịch tài khoản liên quan đến việc chuyển khoản số tiền mua bán ma túy giữa L và Thái.

Tại bản kết luận giám định số 401/KL-KTHS ngày 11/07/2022, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, kết luận:

- 20 (Hai mươi) viên nén đều có màu vàng nhạt gửi giám định (nêu tại mục 1.1, phần II) có tổng khối lượng là 9,9842g (chín phẩy chín tám bốn hai gam), là ma túy, loại MDMA;

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng gửi giám định (nêu tại mục 1.2, phần II) có tổng khối lượng là 6,4949g (Sáu phẩy bốn chín bốn chín gam), là ma túy, loại Ketamine.

Hoàn lại đối tượng giám định cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T gồm:

- 9,8342g (Chín phẩy tám ba bốn hai gam) mẫu bột được nghiền từ 20 (hai mươi) viên nén đều có màu vàng nhạt (nêu tại mục 1.1, phần II);

- 6,3949g (Sáu phẩy ba chín bốn chín gam) mẫu tinh thể rắn màu trắng (nêu tại mục 1.2, phần II).

- Các vật liệu dùng bao gói, niêm phong khi gửi giám định.

Tất cả được niêm phong theo quy định.

** Về xử lý vật chứng:*

Đối với xe mô tô hiệu Honda loại SH, biển kiểm soát 75F1-78075, số khung: 7303KY018374, số máy: JF73E0150732, quá trình điều tra xác định do anh Nguyễn Đức Anh Q đứng tên chủ sở hữu. Anh Q cho Nguyễn Thị L mượn xe mô tô nêu trên đi có việc. Anh Q không biết việc Nguyễn Thị L sử dụng chiếc xe mô tô để đi mua ma túy, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H xử lý vật chứng trả lại cho anh Q xe mô tô nêu trên là có căn cứ.

Đối với các giấy tờ tùy thân và thẻ ngân hàng (trừ thẻ ngân hàng MB mang tên NGUYEN THI L) đã thu giữ của các bị cáo. Do các bị cáo không sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại cho các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn Đ là có căn cứ.

Đối với số ma túy hoàn lại sau khi giám định (cùng các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định); 03 (ba) điện thoại di động thu giữ của các bị cáo; 01 (một) cân tiểu ly màu đen; 01 (một) túi ni lông màu đen đã tạm giữ nêu trên hiện đang tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 97/CT-VKSTPH ngày 14 tháng 3 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo Phan T và Nguyễn Thị L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Phan T và Nguyễn Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt:

- + Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt Phan T từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.

- + Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Thị L từ 06 năm 03 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

- + Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 06 năm 03 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

- + Tịch thu, tiêu hủy: Số ma túy đã qua giám định cùng các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định; 01 túi ni lông màu đen; 01 thẻ ngân hàng MB số 408904101226452 mang tên NGUYEN THI L và 01 cân tiểu ly màu đen.

- + Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone, Imei 1: 353973100633198; 01 (một) điện thoại di động Redmi, Imei 1: 860630062744449, Imei 2: 860630062744456, bên trong có gắn thẻ sim số 0906562590.

- + Hoàn trả cho Nguyễn Thị L 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, Imei 1: 3573300083953706; Imei 2: 357300083953714.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 08/07/2022, Phan T gọi điện nhờ Nguyễn Thị L mua giúp ma túy để bán thì L đồng ý. Sau đó, Thái chuyển khoản cho L số tiền 14.000.000 đồng để L mua ma túy. Nguyễn Thị L liên lạc, mua của một thanh niên tên V (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) 10 gam ma túy

dạng khay và 20 viên ma túy dạng kẹo với giá 14.000.000 đồng. Sau khi Nguyễn Thị L mua được ma túy, Phan T nhờ Nguyễn Văn Đ lên thành phố H tìm gặp Nguyễn Thị L lấy ma túy, mang về huyện L, tỉnh T giao cho T. Đến Huế, Nguyễn Văn Đ liên lạc gặp Nguyễn Thị L và điều khiển xe mô-tô chở L đến đường H, phường D, thành phố H lấy ma túy theo chỉ dẫn của người thanh niên tên V. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, khi Nguyễn Văn Đ chở L về đến ngã tư đường T giao nhau với cầu D, thành phố H thì bị phát hiện bắt quả tang. Khối lượng ma túy bị thu giữ, gồm: 9,9842g MDMA và 6,4949g Ketamine.

Tổng tỷ lệ % của hai chất ma túy MDMA và Ketamine mà Phan T và Nguyễn Thị L mua so với mức tối thiểu đối với từng chất đó, được quy định tại các điểm b, e khoản 03 Điều 251 Bộ luật hình sự là 39,77%. Phan T và Nguyễn Thị L mua lượng ma túy này nhằm bán nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh T truy tố Phan T và Nguyễn Thị L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tổng tỷ lệ % của hai chất ma túy MDMA và Ketamine mà Nguyễn Văn Đ vận chuyển so với mức tối thiểu đối với từng chất đó, được quy định tại các điểm b, e khoản 03 Điều 250 Bộ luật hình sự là 39,77%. Nguyễn Văn Đ vận chuyển giúp Phan T lượng ma túy này mà không biết mục đích của Thái là bán ma túy nên không đồng phạm với Thái về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vì vậy, hành vi của Nguyễn Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

[2] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, trực tiếp ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm để có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa. Các bị cáo đều phạm vào tội rất nghiêm trọng, trong đó bị cáo Phan T là người trực tiếp chi tiền mua ma túy, thuê người vận chuyển nhằm mục đích bán thu lợi bất chính nên phải chịu trách nhiệm chính với vai trò là người khởi xướng, điều hành. Đối với bị cáo Nguyễn Thị L là người liên hệ và trực tiếp mua ma túy, mua cân tiểu ly giúp Phan T chia nhỏ ma túy để thuận lợi cho việc bán ma túy. Tuy nhiên, L là người phụ thuộc, chịu sự điều hành của Phan T nên chịu mức hình phạt nhẹ hơn Thái. Nguyễn Văn Đ là người giúp Phan T vận chuyển ma túy từ thành phố H về huyện L, tỉnh T nên Nguyễn Văn Đ là người thực hành tích cực trong việc vận chuyển ma túy.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Thị L tại thời điểm phạm tội là phụ nữ có thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình

sự. Bị cáo Phan T, sau khi phạm tội đã đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá trên, xét thấy cần xử phạt các bị cáo bằng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của các bị cáo để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa. Do bị cáo Nguyễn Thị L có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, giữ vai trò thứ yếu trong vụ án nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số ma túy còn lại đã qua giám định là chất độc hại cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy cùng bao gói niêm phong khi gửi giám định và 01 túi ni lông màu đen;

- Đối với 01 thẻ ngân hàng MB số 408904101226452 mang tên NGUYEN THI L; 01 cân tiểu ly màu đen là các công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei 1: 353973100633198 thu giữ của Nguyễn Thị L; 01 (một) điện thoại di động Redmi, số Imei 1: 860630062744449, số Imei 2: 860630062744456, bên trong có gắn thẻ sim số 0906 562 590 thu giữ của Nguyễn Văn Đ. Các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 1: 3573300083953706; số Imei 2: 357300083953714. Nguyễn Thị L không sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đúng hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan T và Nguyễn Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt Phan T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị tạm giữ 02/01/2023.

- Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Thị L 06 (sáu) năm 03 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt giam thi hành án

- Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn Đ 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị tạm giữ 09/7/2022.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu, tiêu hủy số ma túy đã qua giám định cùng các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định; 01 túi ni lông màu đen; 01 cân tiểu ly màu đen và 01 thẻ ngân hàng MB số 408904101226452 mang tên “NGUYEN THI LAM”.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei 1: 353973100633198 thu giữ của Nguyễn Thị L và 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, số Imei 1: 860630062744449, số Imei 2: 860630062744456, bên trong có gắn thẻ sim số 0906562590 thu giữ của Nguyễn Văn Đ.

- Hoàn trả cho Nguyễn Thị L 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 1: 3573300083953706; số Imei 2: 357300083953714.

Các vật chứng trên được xác định theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/3/2023, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Buộc các bị cáo Phan T, Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

5. Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- Sở tư pháp tỉnh T;
- Phòng PV 06 CA tỉnh T;
- VKSND TP H;
- CA thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tôn Minh Hiền

